

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST
Ngày: 19-3-2020
Về việc “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Hồng Hải
2. Ông Hồ Văn Bún

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty A . Địa chỉ: Tòa nhà Ree, số 9 Đoàn Văn Bơ, Phường X, Quận Y, Thành phố M.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Trường Gi, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà cộng hòa Garden, số 20 Cộng Hòa, Phường X1, quận Y1, Thành phố M.

- Bị đơn: Ông Đặng Thanh K, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp Đ, xã B, huyện V, tỉnh Long An.

Ông Gi có mặt, ông K vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2019, các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên tòa, Công ty A trình bày và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng giải quyết như sau:

Ngày 25/6/2015 ông K có ký giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín

dụng (sau đây viết tắt là HĐTD) số 20150626-200008-0031 với công ty A, số tiền vay 29.458.388 đồng, lãi suất thỏa thuận 4,16%/tháng, thời hạn thanh toán nợ là trả chậm trong vòng 24 tháng từ ngày 01/8/2015 đến ngày 01/7/2017 (23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.966.000 đồng, tháng cuối của kỳ trả 2.039.000 đồng); Mục đích vay vốn: tiêu dùng cá nhân. Ngày 01/8/2015 công ty giải ngân số tiền vay theo hợp đồng nêu trên, ông K đã nhận tiền trực tiếp tại Bưu điện Vĩnh Hưng là 10.000.000 đồng (công văn số 5473/BĐVN-TTĐS ngày 09/12/2019 đã xác nhận nội dung này), số tiền còn lại chuyển trả nợ cho ông K theo văn bản thỏa thuận lập ngày 26/6/2015.

Kể từ ngày giải ngân đến nay ông K đã thanh toán cho công ty 10 lần với tổng số tiền 19.660.000 đồng, mỗi lần ông K thanh toán đúng và đủ số tiền như cam kết là 1.966.000 đồng (đối chiếu với kế hoạch trả nợ thì ông K đã trả được 8.877.067 đồng gốc và 10.782.933 đồng lãi) và kể từ đó đến nay, ông K không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào, tính đến hết ngày 01/7/2017, ông K đã vi phạm toàn bộ hợp đồng nên ông K còn nợ lại 20.581.321 đồng gốc và 7.015.679 đồng lãi.

Ông K nhiều lần hứa trả nợ nhưng không thực hiện nên Công ty A đã khởi kiện ông K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đặng Thanh K trả một lần toàn bộ nợ vay bao gồm nợ gốc là 20.581.321 đồng và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký tính từ ngày vay đến hết ngày 01/7/2017 là 7.015.679 đồng và lãi chậm thi hành án.

- Bị đơn trình bày: Ông K được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Công ty A khởi kiện ông K vì ông K vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong giấy vay vốn kiêm HĐTD số 20150626-200008-0031 ngày 25/6/2015. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, đồng thời ông K có nơi cư trú tại huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Ông K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông K.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Về việc giao kết hợp đồng: Nguyên đơn cung cấp hợp đồng vay vốn với bị đơn, cụ thể là giấy đăng ký vay vốn số 20150626-200008-0031 ngày 25/6/2015, có chữ ký của bên vay là ông Đặng Thanh K; Ông K được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án và cũng không có văn bản phản đối về

việc khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, có căn cứ xác định giấy đăng ký vay vốn nêu trên giữa Công ty và ông K là có thật và phù hợp với quy định tại khoản 16, Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 463 Bộ luật dân sự nên các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng như đã cam kết.

- Xét việc thực hiện hợp đồng: Theo cam kết trong HĐTD thì tổng nợ vay là 47.257.000 đồng, ông K có nghĩa vụ thanh toán tổng nợ gốc và lãi theo hợp đồng trong thời hạn 24 tháng, bắt đầu trả từ ngày 01/8/2015 đến 01/7/2017) nhưng ông K chỉ thanh toán được cho công ty đến ngày 19/5/2016 với số tiền 19.660.000 đồng và từ đó đến nay ông K không trả thêm số tiền nào khác. Như vậy, có căn cứ xác định ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong HĐTD nên Công ty A khởi kiện yêu cầu ông K trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh là phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 466 Bộ luật dân sự.

- Xét về số tiền nợ gốc và nợ lãi: Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì số tiền vay gốc là 29.458.388 đồng, mức lãi suất áp dụng đối với khoản vay trong hạn là 4,16%/tháng (nợ lãi đến ngày 01/7/2017 là: 17.798.611 đồng), đây là mức lãi suất phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Đối chiếu với bản kế hoạch trả nợ và lịch sử trả nợ của ông K thì ông K đã trả được 10 đợt với số tiền là 19.660.000 đồng, trong đó nợ gốc là 8.877.067 đồng gốc và nợ lãi là 10.782.933 đồng nên tiền nợ gốc còn lại là 20.581.321 đồng, tiền nợ lãi là 7.015.679 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm trả do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng mà chỉ yêu cầu tính lãi chậm thi hành án theo quy định pháp luật, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên được ghi nhận.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty A về việc buộc ông Đặng Thanh K phải trả nợ gốc và lãi là 27.597.000 đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

Buộc ông Đặng Thanh K phải trả cho Công ty A số tiền nợ gốc và lãi là 27.597.000 (hai mươi bảy triệu, năm trăm chín mươi bảy ngàn) đồng, trong đó nợ gốc là 20.581.321 (hai mươi triệu, năm trăm tám mươi một ngàn, ba trăm hai

mười một) đồng, nợ lãi là 7.015.679 (bảy triệu, không trăm mười lăm ngàn, sáu trăm bảy mươi chín) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Ông Đặng Thanh K phải chịu 1.380.000 (một triệu, ba trăm tám mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn lại cho Công ty A 690.000 (sáu trăm chín mươi ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 06/12/2019 theo biên lai thu tiền số 0004659.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Liễu